TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15 - AN GIANG** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/5/2026.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - AN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Hăng và Hồ Văn Ức.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2026/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 3 năm 2026 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 125/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 115/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H T B U N, sinh năm 1974; cư trú: Số nhà 59, tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân An, tỉnh An Giang.CCCD:089174001519

Bị đơn: Ông P V N, sinh năm 1974; cư trú: Số nhà 59, tổ 2, ấp Tân Lợi, xã Tân An, tỉnh An Giang.CCCD: 089074008129

(Bà Nhỏ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông Nguyên vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/01/2026 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà H T B U N trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Nguyên là do tự tìm hiểu, tự về chung sống với nhau từ năm 1992, không có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi và bị ông Nguyên đánh đập, hành hung. Bà Nhỏ và ông Nguyên không còn sống chung sống

với nhau từ năm 2015 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn. Nay bà Nhỏ yêu cầu được ly hôn với ông P V N.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thu Trang, sinh ngày 15/6/1994, Phạm Văn Tấn, sinh ngày 30/10/2001 và Phạm Văn Đạt, sinh ngày 30/10/2001, hiện nay 03 con chung đã trưởng thành và tự lập được. Khi ly hôn, bà Nhỏ không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông Nguyên theo quy định nhưng ông Nguyên vắng mặt không lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 20/4/2026 Ủy ban nhân dân xã Tân An cho biết hiện tại bà H T B U N và ông P V N chưa có đăng ký kết hôn.

Tại phiên tòa, bà Nhỏ vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Nguyên vắng mặt lần 2.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về hôn nhân: Bà Nhỏ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyên nhưng do hai bên không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà H T B U N và ông P V N là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Có 03 con chung tên Phạm Thị Thu Trang, sinh ngày 15/6/1994, Phạm Văn Tấn, sinh ngày 30/10/2001 và Phạm Văn Đạt, sinh ngày 30/10/2001, hiện nay 03 con chung đã trưởng thành và tự lập được. Khi ly hôn, bà Nhỏ không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nhỏ và ông Nguyên không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H T B U N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông P V N. Đồng thời, ông Nguyên có nơi cư trú trên địa bàn xã Tân An. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 15 – An Giang.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nhỏ có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ông Nguyên vắng mặt lần 2 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyên và bà Nhỏ không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh giá trị pháp lý theo khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà Nhỏ ly hôn với ông Nguyên thì thấy: Trong đời sống hôn nhân thường phát sinh mâu thuẫn, thời gian không còn chung sống giữa hai bên đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn, tuy nhiên do ông Nguyên và bà Nhỏ không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên không làm phát sinh giá trị pháp lý. Do vậy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận, Hội đồng xét xử không công nhận ông Nguyên và bà Nhỏ là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Do ông Nguyên và bà Nhỏ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông Nguyên và bà Nhỏ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[6] Về án phí: Bà Nhỏ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận bà H T B U N và ông P V N là quan hệ vợ chồng.

- Về án phí: Bà H T B U N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 301327 ngày 09/02/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Ông Nguyên và bà Nhỏ vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh AG (1);

- VKS khu vực 15 - An Giang (2);
- THADS khu vực 15 - An Giang (1);
- UBND xã Tân An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Phong Phi